

Số: 543/2019/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm h Khoản 2 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 284/2019/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn L; sinh năm: 1955; hộ khẩu thường trú: Phường 14, Quận 5, Thành phố H; chỗ ở: ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố H

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1955; hộ khẩu thường trú: Phường 14, Quận 5, Thành phố H; chỗ ở: ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn L và Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và do các đương sự đang cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/6/2019, các đương sự thống nhất trình bày:

Các đương sự tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1976, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, không đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 508, quyển số 3/1976 ngày 09/10/1976 của Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì có đủ cơ sở để xác định các đương sự là vợ chồng hợp pháp.

Do tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho các đương sự ly hôn.

- Xét về quan hệ con chung:

Các đương sự cùng xác định có hai con chung là Nguyễn Thị Dạ Thảo, sinh ngày 30/10/1977 và Nguyễn Thị Ngọc Thương, sinh ngày 25/4/1982. Do hai con chung của các đương sự đã thành niên nên Tòa án không xét.

- Xét về quan hệ tài sản chung:

Các đương sự cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Xét về quan hệ tài nợ chung:

Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tự nguyện cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và Bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 508, quyển số 3/1976 ngày 09/10/1976 của Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Các đương sự có hai con chung là Nguyễn Thị Dạ Thảo, sinh ngày 30/10/1977 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Ngọc Thương, sinh ngày 25/4/1982 (đã thành niên).

- Xét về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xét về quan hệ tài nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự không phải nộp lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Quốc Đạt